TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 05/02/2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và Ông Phạm Minh Đức.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thảo Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2026, tại phòng xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025 về việc *"tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐST- HNGĐ ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hồ Thị Bá L**, sinh năm 1999; HKTT: thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố Q, phường Q, tỉnh Nghệ An. "vắng mặt"

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990; trú tại: đội E, thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam V - Bộ C. "vắng mặt"

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017; Người đại diện hợp pháp là chị L và anh N (bố, mẹ đẻ). "vắng mặt".

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1968; trú tại: thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Bá L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và suy nghĩ không hợp, anh N không chịu làm ăn, thường xuyên mang đồ của gia đình đi cắm, bán lấy tiền tiêu cho mục đích cá nhân nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Mâu thuẫn kéo dài, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình trạng không thay đổi, anh chị sống ly thân từ 2019, chị L về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống đến nay, có vài lần anh N xin lỗi chị và mong muốn chị về sống chung nhưng chị không đồng ý. Do xác định không còn tình cảm với anh N nên chị L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: chị L và

anh N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Xác nhận về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, chung sống vợ chồng như chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và suy nghĩ không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Nay chị L đề nghị giải quyết ly hôn thì anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L. Về con chung: anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi dưỡng cháu Đ đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Đ1 (là bố đẻ của anh N) *trình bày*: Quá trình chung sống ông thấy anh N và chị L có mâu thuẫn, khoảng 4 năm nay anh N và chị L đã sống ly thân. Nay chị L và anh N làm thủ tục ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017, cháu Đ đang sinh sống cùng ông, đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng. Chị L và anh N không có đóng góp gì về tài sản, công sức hay vay nợ với gia đình ông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại Điều 225, từ Điều 227 đến Điều 229, Điều 234, Điều 239, Điều 247 đến Điều 258, Điều 260 đến Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP TANDTC; Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N. Về con chung: chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sư, giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: đương sự không đề nghị nên không xem xét, giải quyết. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Hồ Thị Bá L và anh Nguyễn Văn N kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Do chung sống không hạnh phúc nên chị L đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị L và anh N đều đăng ký HKTT tại xã H, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là *"tranh chấp ly hôn"*.

Tại phiên tòa, chị L và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân qua người thân, HĐXX thấy:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N đều xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, về tính cách và suy nghĩ không hòa hợp, có nhiều xung đột nên anh, chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không có trách nhiệm hay liên quan gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị L giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, từ chối hòa giải, anh N nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn để chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N.

[2.2]. Về con chung: chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017. Hiện tại cháu Đ sinh sống cùng anh N, học tập tại xã H. Các đương sự tự nguyện thỏa thuận giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của anh anh N không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị L, hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Chị L có quan điểm tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định, cần ghi nhận sự tự nguyện của chị L.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147;

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hồ Thị Bá L và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/02/2017, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Thành Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị L, anh N hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Bá L phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002813 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị L đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị L, anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.
- Các đương sự;
- VKSND KV1- Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án DS tỉnh HY;
- UBND xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 13, ngày 29/3/2017 do UBND xã Ngô Quyền cấp)
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thúy Hà